TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-PT
Ngày: 06-04-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2021/KDTM-ST ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐPT-KDTM ngày 23/02/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện S. Địa chỉ trụ sở: Số 100A4 đường 702 B, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quang S1 – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thùy D. Địa chỉ liên hệ: Ấp T2, xã H, huyện H1, tỉnh Long An (theo Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2022).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH V. Địa chỉ trụ sở: Ấp K, xã A, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Dong K1 – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1972. Địa chỉ: 96/23A Phạm Văn C, Phường 16, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 09/3/2022).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn, Công ty TNHH V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 08/01/2021 và trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện S (sau đây gọi tắt là Công ty S) *do ông Trần Trung Tính là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 16/3/2020, Chi nhánh Công ty S và Công ty TNHH V (sau đây gọi tắt là Công ty V) ký hợp đồng nguyên tắc số 02-20/HĐNT, theo đó, chi nhánh Công ty S cung cấp mốp xốp nón bảo hộ theo khuôn mẫu cho Công ty V, khi cần Công ty V sẽ đặt hàng nên hai bên không có hợp đồng chi tiết. Hàng giao tại xưởng bên bán.

Ngày 30/10/2020, Công ty V có đơn hàng mua mốp xốp nón bảo hộ theo khuôn mẫu số lượng là 56.600 cái, giá tiền 1.779 đồng/cái. Ngày giao hàng cũng là ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000098 ngày 31/10/2020. Công ty S xuất hóa đơn giá trị gia tăng (56.600 cái x 1.779 đồng/cái = 100.691.400 đồng) cộng 10% VAT là 10.069.140 đồng. Tổng cộng là 110.760.540 đồng.

Trước ngày xuất hàng, Công ty S đã yêu cầu Công ty V cử người đến kiểm tra sản phẩm nhưng Công ty V không thực hiện. Sau khi nhận hàng, phía Công ty V không có phản ảnh gì về chất lượng, số lượng sản phẩm. Đến ngày 25/11/2020, Công ty V có gửi mail phản ảnh về chất lượng và cho đến nay thì mới nại ra số lượng không đủ. Ngày 27/11/2020, Công ty S có gửi thư phản hồi nhưng do bên Công ty V chậm thanh toán nên mới đồng ý hỗ trợ tiền chuyển hàng từ Hàn Quốc về Việt Nam. Nay, Công ty S xác định không đồng ý hỗ trợ bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty V vì không có lỗi.

Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền đã mua mốp xốp nón bảo hộ theo khuôn mẫu là 110.760.540 đồng, không yêu cầu tiền lãi chậm trả.

Bị đơn, Công ty TNHH V do ông Nguyễn Minh Châu là người đại diện theo ủy quyền tại cấp sơ thẩm đã trình bày:

Giữa chi nhánh Công ty S và Công ty V có ký hợp đồng nguyên tắc số 02-20/HĐNT ngày 16/3/2020 với các điều khoản như nguyên đơn trình bày là đúng. Ngày 30/10/2020, Công ty V có đơn hàng cho Chi nhánh của Công ty S, số lượng mốp xốp nón bảo hộ theo khuôn mẫu là 56.600 cái, giá tiền 1.779 đồng/cái. Ngày giao hàng là 31/10/2020. Công ty S xuất hóa đơn giá trị gia tăng (56.600 cái x 1.779 đồng/cái = 100.691.400 đồng) cộng 10% VAT là 10.069.140 đồng. Tổng cộng số tiền là 110.760.540 đồng.

Sau khi nhận hàng, do tin tưởng nên người của Công ty V không có kiểm tra sản phẩm và toàn bộ sản phẩm đã được giao cho Công ty bên Hàn Quốc. Sau khi phía công ty ở Hàn Quốc nhận hàng đã phản hồi là hàng bị dơ và trả hàng về Việt Nam. Công ty V phải trả chi phí chở hàng về khoảng 4.000USD. Công ty S giao thiếu 9.400 sản phẩm. Khi hàng bị trả về Việt Nam hai bên có gặp nhau thương lượng. Công ty V đưa ra giải pháp sẽ trả trước cho Công ty S 20% số tiền nợ, Công ty S phải vệ sinh sản phẩm xong thì bị đơn sẽ trả hết số tiền còn lại nhưng nguyên đơn không đồng ý mà yêu cầu thanh toán trước 50% tiền hàng. Nay bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do giao hàng không đúng số lượng và không đạt chất lượng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2021/KDTM-ST ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đã xử:

"1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện S đối với Công ty TNHH V về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

- Buộc Công ty TNHH V phải trả cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện S số tiền 110.760.540 đồng".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành, án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự và việc thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 17/11/2021, bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 15/3/2022, bị đơn bổ sung yêu cầu xem xét phần tiền cọc là 127.270.000 đồng mà bị đơn đã thanh toán tiền cho nguyên đơn để làm khuôn theo hợp đồng số 02-20/HĐNT.

Đại diện nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của Công ty V đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: việc không kiểm tra hàng trước khi nhận là lỗi của Công ty V. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty V, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Kháng cáo của bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Tại bản tường trình ghi ngày 15/3/2022, bị đơn mới đặt ra yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền cọc 127.270.000 đồng; yêu cầu này chưa được cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết. Căn cứ Điều 5 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét nội dung này. Nếu bị đơn có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất xác định: Ngày 16/3/2020, chi nhánh của nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng nguyên tắc số 02-20/HĐNT (Hợp đồng số 02), có nội dung chủ yếu gồm: chi nhánh của nguyên đơn cung cấp mốp xốp nón bảo hộ cho bị đơn theo đơn đặt hàng qua fax, email hoặc điện thoại, điều kiện giao hàng tại xưởng của người bán (EX-WORK), đơn giá 7.7 cents usd/1 mốp xốp (chưa VAT). Thực hiện hợp đồng số 02-20/HĐNT, theo email đặt hàng ngày 30/10/2020 của bị đơn, nguyên đơn giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng (56.600 cái x 1.779 đồng/cái = 100.691.400 đồng) cộng 10% VAT là 10.069.140 đồng, tổng cộng số tiền là 110.760.540 đồng vào ngày 31/10/2020 cho bị đơn.

[4] Bị đơn nại rằng nguyên đơn giao hàng không đúng số lượng và chất lượng nên không đồng ý thanh toán. Trong thư phản hồi ngày 27/11/2020 và trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn không thừa nhận trình bày này của bị đơn. Thấy rằng, mục 3 Điều 1 của Hợp đồng số 02, các bên đã thỏa thuận điều kiện giao hàng tại xưởng của người bán (EXW), mặc dù không ghi rõ năm của Incoterms được áp dụng, nhưng nghĩa vụ của bên mua – tức bị đơn, được xác định theo điều khoản EXW là chịu mọi chi phí và rủi ro kể từ khi nhận hàng tại cơ sở của người bán. Đại diện của bị đơn thừa nhận đã không kiểm đếm số lượng và kiểm tra chất lượng hàng hóa mà nhận hàng và chuyển đến cảng xuất khẩu đi Hàn Quốc giao cho bên thứ ba. Bị đơn cũng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh nguyên đơn đã vi phạm nghĩa vụ của người bán. Bị đơn cũng thừa nhận rằng giữa nguyên đơn và người mua thứ ba (tại Hàn Quốc) không bị ràng buộc bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào liên quan đến hợp đồng đang có tranh chấp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận trình bày của bị đơn về việc nguyên đơn giao không đủ số lượng và không đạt chất lượng.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: bị đơn phải chịu do bị bác kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH V.

3. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2021/KDTM-ST ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

4. Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 148 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 24, 34, 35, 39 và 50 Luật thương mại 2005; Điều 6, Điều 26 và 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện S về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" với Công ty TNHH V.

6. Buộc Công ty TNHH V phải trả cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện S số tiền 110.760.540đ (một trăm mười triệu bảy trăm sáu mươi nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

7. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

8.1. Buộc Công ty TNHH V phải chịu 5.538.027đ (năm triệu năm trăm ba mươi tám nghìn không trăm hai mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

8.2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả số tiền 2.770.000đ (hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007598, ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

9. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Buộc Công ty TNHH V phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng), khấu trừ vào số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí mà TNHH V đã nộp theo Biên lai thu số 0002103 ngày 02/12/2021

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Công ty TNHH V đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

10. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 06/4/2022 (ngày sáu tháng tư năm hai nghìn không trăm hai mươi hai)./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục